

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28-7- 2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng.
2. Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô- là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa:

1. *Nguyên đơn:* **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* **Hồ Kiều D**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Huỳnh Văn N trình bày:

Anh và chị Hồ Kiều D kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống vợ chồng tạo được 01 con chung tên là Huỳnh Văn K, sinh ngày 16/11/2009, hiện con chung do chị D đang nuôi dạy.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

Thời gian chung sống do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cự cãi với nhau, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm 06 tháng.

Nay trước tòa anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau về việc nuôi con, cấp dưỡng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị D, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định của pháp luật nhưng chị D vẫn vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành làm việc được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, huyện T, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Hồ Kiều D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đúng theo quy định pháp luật nhưng chị D vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị D kết hôn vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2014, đăng ký ngày 02/01/2014), do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Thời gian chung sống anh N xác định do tính tình không hòa hợp, vợ chồng hay cự cãi với nhau, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm 06 tháng. Anh N có yêu cầu được ly hôn với chị D.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, trong khoảng thời gian ly thân anh N và chị D không có liên hệ với nhau để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tại phiên tòa anh N xác định không còn yêu thương chị D nữa và kiên quyết xin ly hôn với chị D. Nên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị D không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho anh N ly hôn với chị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh N và chị D tạo được 01 con chung tên là Huỳnh Văn K, sinh ngày 16/11/2009, hiện con chung do chị D đang nuôi dạy. Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố:

Chấp nhận cho anh **Huỳnh Văn N** được ly hôn với chị **Hồ Kiều D**.

Về án phí: Anh N phải nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng, anh đã nộp tạm ứng 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006732 ngày 13/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Anh N có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị D có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Dương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
 (Đã ký)

Giang Trung Kiên